

BAN TUYỂN GIÁO TRUNG ƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN
CÔNG TÁC TUYỂN GIÁO

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2023

*

BẢN TIN THÔNG TIN SINH HOẠT CHI BỘ SỐ 10 NĂM 2023

THÔNG TIN TRONG NƯỚC

I. QUYẾT NGHỊ CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI TẠI PHIÊN HỌP THỨ 25

Tại Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Đối với lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp: Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng pháp luật được đề ra tại Kết luận số 19-KL/TW, ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm trong công tác xây dựng pháp luật, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu.

Việc thí điểm phải xác định phạm vi, không gian, thời gian, địa chỉ cụ thể và phải được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Không đề nghị bổ sung dự án vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh ở thời điểm sát kỳ họp Quốc hội, trừ trường hợp thực sự cần thiết, cấp bách, đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. Chỉ đạo rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong một số lĩnh vực theo yêu cầu tại Nghị quyết số 101/2023/QH15, kịp thời phát hiện các quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập liên quan đến các thị trường hàng hóa, dịch vụ, chứng khoán, bất động sản, mua sắm, đầu tư công, phòng cháy, chữa cháy, hoàn thuế giá trị gia tăng để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản

quy phạm pháp luật, báo cáo Quốc hội kết quả rà soát tại Kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023).

Kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết, khắc phục tình trạng nợ đọng, chậm ban hành hoặc văn bản vừa ban hành đã phải sửa đổi do không phù hợp. Chấm dứt tình trạng sử dụng hình thức văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật để quy định các nội dung có tính quy phạm pháp luật, nhất là đặt ra quy trình, thủ tục, yêu cầu khác với quy định của pháp luật hiện hành. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức pháp chế của các Bộ, ngành và địa phương; kiện toàn tổ chức pháp chế, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và quan tâm chế độ, chính sách cho đội ngũ công chức pháp chế; khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm của một bộ phận công chức pháp chế.

Nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành, địa phương. Quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác kiểm tra, rà soát văn bản. Tăng cường cơ chế giám sát và phản biện xã hội, vai trò giám sát của Nhân dân đối với công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường hoạt động kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp trong công tác kiểm tra, xử lý văn bản, đồng thời tăng cường công tác tự kiểm tra văn bản của các Bộ, ngành, địa phương. Nâng cao hiệu quả, chất lượng, kỷ luật, kỷ cương trong kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; xử lý nghiêm, kịp thời tổ chức, cá nhân để xảy ra sai phạm trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Rà soát, thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về hoạt động đấu giá tài sản, tạo điều kiện cho hoạt động đấu giá tài sản phát triển theo hướng chuyên nghiệp, công khai, minh bạch. Tập trung sửa đổi, bổ sung những vấn đề mang tính cấp bách, khắc phục sơ hở, chông chéo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ cho việc tổ chức đấu giá tài sản, ngăn chặn hiệu quả và khắc phục triệt để tình trạng tiêu cực, vi phạm pháp luật trong hoạt động đấu giá tài sản; khẩn trương chuẩn bị, bảo đảm chất lượng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6, thông qua tại Kỳ họp thứ 7. Kiện toàn đội ngũ đấu giá viên, bảo đảm đủ số lượng và trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp.

Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện giám định tư pháp, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan có thẩm

quyền trong công tác quản lý nhà nước về giám định tư pháp. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm kinh phí, điều kiện hoạt động và chế độ, chính sách phù hợp đối với hoạt động giám định tư pháp. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động giám định tư pháp. Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, từng bước kiện toàn đội ngũ giám định viên, bảo đảm đủ số lượng, có trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: Khẩn trương hoàn thiện chính sách, pháp luật phát triển nhãn hiệu, thương hiệu nông sản chủ lực. Cập nhật, phân tích đánh giá thông tin, diễn biến thị trường một cách toàn diện để dự báo sát tình hình, thận trọng, kịp thời phổ biến, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tận dụng cơ hội thị trường. Cùng cố các thị trường hiện có, mở rộng các thị trường mới cho nông sản Việt Nam. Đổi mới, nâng cao hiệu quả việc tổ chức truyền thông quảng bá chất lượng đặc thù, vượt trội của nông sản Việt tại thị trường trong và ngoài nước... Tiếp tục đàm phán, ký kết, phân định vùng biển chồng lấn, vùng chưa phân định giữa Việt Nam với các nước; xác định ranh giới được phép khai thác hải sản trên các vùng biển nhằm tiến tới chấm dứt tình trạng tàu cá của ngư dân nước ta bị lực lượng chức năng nước ngoài xua đuổi, bắt giữ, xử lý trên vùng biển tiếp giáp với các nước trong khu vực. Phối hợp với các nước thúc đẩy các chuỗi giá trị trong lĩnh vực kinh tế biển, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản. Thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân đối với những trường hợp tàu cá và ngư dân đã và đang bị nước ngoài bắt giữ ở vùng nước lịch sử, các khu vực biển chồng lấn.

Theo dõi sát diễn biến thị trường và giá lương thực trên thế giới, có kế hoạch vừa đáp ứng đầy đủ nhu cầu lúa gạo trong nước, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, vừa đáp ứng nhu cầu xuất khẩu tăng cao. Phối hợp với bộ, ngành, địa phương quản lý, điều phối công tác thu mua, chế biến, bảo quản lúa gạo, bảo đảm ổn định thị trường trong nước, hài hòa lợi ích người trồng lúa, doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gạo. Trong năm 2023, cơ bản hoàn thiện việc phê duyệt các quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị. Xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất và xây dựng nhà, công trình trái phép, kịp thời phát hiện, áp dụng các biện pháp để ngăn chặn và xử lý triệt để các trường hợp xây dựng công trình nhà ở, hạ tầng hình thành các khu dân cư mới trái phép trên đất nông nghiệp...

II. QUY ĐỊNH VỀ XIN LỖI VÀ PHỤC HỒI QUYỀN LỢI CỦA TỔ

CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN BỊ KỶ LUẬT OAN

Quy định số 117-QĐ/TW, ngày 18/8/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về xin lỗi và phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan nêu rõ:

Đối tượng áp dụng: Tổ chức đảng bị kỷ luật oan (bao gồm cả tổ chức đảng đã giải tán, giải thể, kết thúc hoạt động, thay đổi do chuyển giao, chia tách, sáp nhập về tổ chức); đảng viên bị kỷ luật oan (bao gồm cả đảng viên không còn sinh hoạt đảng, đã qua đời, mất năng lực hành vi dân sự, tòa án tuyên bố mất tích); tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật oan (bao gồm cả tổ chức đảng giải quyết khiếu nại kỷ luật); tổ chức đảng giải quyết, xác định kỷ luật oan (cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra có thẩm quyền giải quyết đối với quyết định của tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật oan); các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Nguyên tắc thực hiện: Thực hiện xin lỗi và phục hồi quyền lợi đối với tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan phải kịp thời, công khai, khách quan. Tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật oan chịu trách nhiệm tổ chức xin lỗi và phục hồi quyền lợi. Chỉ thực hiện xin lỗi, phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan một lần khi có kết luận hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền xác định kỷ luật oan. Tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật oan phải chủ động, kịp thời báo cáo ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; phối hợp với tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện xin lỗi và phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên; quyết định bãi bỏ, thu hồi quyết định kỷ luật oan; xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên tham mưu, quyết định kỷ luật oan.

Trường hợp tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan đã giải tán, giải thể, kết thúc hoạt động, chuyển giao, chia tách, sáp nhập thì tổ chức đảng tiếp nhận hoặc tổ chức đảng cấp trên trực tiếp chịu trách nhiệm xin lỗi và phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan. Đảng viên bị kỷ luật oan đã qua đời, tòa án tuyên bố mất tích, mất năng lực hành vi dân sự thì tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan tổ chức xin lỗi đối với thân nhân đảng viên. Khi tòa án huỷ bỏ quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc tuyên bố mất tích thì tổ chức đảng kỷ luật oan xem xét phục hồi quyền lợi cho đảng viên theo quy định. Việc bồi thường về vật chất và các lợi ích hợp pháp cho tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan thực hiện theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Căn cứ để xin lỗi và phục hồi quyền lợi: Kết luận hoặc quyết định của tổ chức đảng có thẩm quyền xác định tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan. Kết

luận, quyết định, bản án của cơ quan pháp luật xác định đảng viên bị điều tra, truy tố, xét xử oan dẫn đến tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan.

Đảng viên bị kỷ luật oan không được xin lỗi và phục hồi quyền lợi trong các trường hợp: Sau khi bị kỷ luật oan đã không giữ được tư cách, phẩm chất, tiêu chuẩn đảng viên hoặc vi phạm bị kỷ luật. Nhận lỗi thay cho người khác dẫn đến bị kỷ luật oan. Từ chối việc xin lỗi và phục hồi quyền lợi. Tự ý bỏ sinh hoạt đảng. Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quyền và trách nhiệm của đảng viên theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Trách nhiệm của tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật oan: Cung cấp kịp thời, đầy đủ, trung thực thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến kỷ luật oan theo yêu cầu của tổ chức đảng giải quyết, xác định kỷ luật oan. Xây dựng kế hoạch, tổ chức xin lỗi và phục hồi quyền lợi đối với tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan; phối hợp với các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan. Quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định bãi bỏ hoặc thu hồi quyết định kỷ luật oan, phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan. Quyết định theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền kiểm điểm, xem xét trách nhiệm tổ chức, cá nhân tham mưu, quyết định kỷ luật oan. Khi nhận được kết luận hoặc quyết định của tổ chức đảng giải quyết, xác định kỷ luật oan phải tổ chức hội nghị xin lỗi và phục hồi quyền lợi cho tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan.

Trách nhiệm của tổ chức đảng giải quyết, xác định kỷ luật oan: Xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và ban hành kết luận hoặc quyết định xác định kỷ luật oan, gửi tổ chức, cá nhân liên quan. Quyết định hoặc chỉ đạo tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật oan bãi bỏ quyết định kỷ luật oan và tổ chức xin lỗi, phục hồi quyền lợi cho tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan. Quyết định hoặc đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền phục hồi quyền, lợi ích hợp pháp đối với tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan. Chỉ đạo kiểm điểm, xem xét trách nhiệm tổ chức, cá nhân tham mưu, quyết định kỷ luật oan. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kết luận, quyết định giải quyết, xác định kỷ luật oan; việc xin lỗi, phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan.

Quyền và trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan: Được yêu cầu (bằng văn bản) cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, kết luận, quyết định bị kỷ luật oan hướng dẫn việc xin lỗi và phục hồi quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, trung thực thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan

đến việc thi hành kỷ luật oan theo yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết, xác định kỷ luật oan. Phối hợp thực hiện các trình tự, thủ tục có liên quan đến việc giải quyết kỷ luật oan.

Trong thời hạn 90 ngày, tính từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành kết luận hoặc quyết định xác định tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan thì tổ chức đảng đã kỷ luật oan, các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện xin lỗi và phục hồi quyền lợi. Trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh...) thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời hạn thực hiện xin lỗi và phục hồi quyền lợi...

III. MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG NĂM 2023¹

Từ đầu năm đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các bộ, ngành triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn, như: giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; gia hạn visa cho khách du lịch; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện... Do vậy, trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023 nhiều ngành, lĩnh vực tiếp tục duy trì xu hướng tích cực.

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, sản xuất nông nghiệp đạt kết quả tích cực, trong đó tiến độ thu hoạch lúa hè thu và nuôi trồng thủy sản đạt kết quả khả quan. Tính đến ngày 15/8/2023, cả nước thu hoạch được 1.071,6 nghìn ha lúa hè thu, năng suất đạt 57,5 tạ/ha, tăng 0,9 tạ/ha; sản lượng đạt 11 triệu tấn. Chăn nuôi trong tháng 8 phát triển tương đối ổn định, sản lượng nuôi trồng thủy sản trong tháng 8 ước tăng 3,8% so với cùng kỳ 2022; tính chung 8 tháng năm 2023 tăng 3,2%, trong đó tôm tăng 4,1%.

Sản xuất công nghiệp tháng 8 tiếp tục xu hướng tích cực. Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8/2023 tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tình hình kinh tế thế giới những tháng đầu năm 2023 gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất công nghiệp trong nước. Tính chung 8 tháng năm 2023, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước.

¹ Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Hoạt động thương mại và dịch vụ duy trì mức tăng cao so với cùng kỳ 2022. Trong tháng 8, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 515,4 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10% so với cùng kỳ 2022; vận chuyển hành khách tăng 14,4% và luân chuyển tăng 28,2%; vận chuyển hàng hóa tăng 15,1% và luân chuyển tăng 13,4%.

Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước 8 tháng năm 2023 ước đạt 49,4% kế hoạch, tăng 23,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 47,6% và tăng 17,1%). Đặc biệt, trong 8 tháng năm 2023, số doanh nghiệp thành lập mới đạt mức cao nhất trong giai đoạn 8 tháng đầu năm từ trước tới nay. Đã có hơn 14 nghìn doanh nghiệp được thành lập mới trong tháng 8/2023, tăng hơn 17,9% so với cùng kỳ năm 2022 và tăng 14,05% so với tháng trước. Bên cạnh đó, cả nước có gần 6,3 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 10,9% so với tháng trước và giảm 3,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Vốn FDI đầu tư mới và góp vốn mua cổ phần tiếp tục tăng. Tính đến ngày 20/8/2023, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 18,15 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ. Vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài ước đạt khoảng 13,1 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2022. Đặc biệt, vốn đầu tư thực hiện của các dự án FDI tiếp tục tăng so với cùng kỳ (1,3%) và so với 7 tháng đầu năm (0,5 điểm phần trăm). Điều này cho thấy, các giải pháp quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong những tháng đầu năm đã mang lại hiệu quả trong việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn để doanh nghiệp triển khai thực hiện giải ngân vốn đầu tư.

Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2023 tăng cao nhất với 4,89%; bình quân 3 tháng đầu năm tăng 4,18%; bình quân 6 tháng đầu năm tăng 3,29%; đến nay bình quân 8 tháng tăng 3,1%.

Công tác an sinh xã hội luôn được các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương quan tâm thực hiện. Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2023/NĐ-CP, ngày 21/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP, ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp người có công từ 1.624 nghìn đồng/tháng lên 2.055 nghìn đồng/tháng, tương ứng với mức tăng 26,54%.

Tính chung 8 tháng năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 7.107 vụ tai nạn giao thông; 12.040 vụ vi phạm môi trường; 1.286 vụ cháy, nổ, làm 69 người chết và 64 người bị thương, thiệt hại ước tính gần 200,7 tỷ đồng, giảm 61,5% so với cùng kỳ năm trước...

Để hoàn thành đạt mức cao nhất các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, tại các nghị quyết về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 và tháng 8/2023, Chính phủ giao các bộ, ngành, địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thế giới và hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong nước, thường xuyên phân tích, dự báo, cập nhật kịch bản tăng trưởng để kịp thời kiến nghị các giải pháp cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó tập trung vào một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất, phối hợp chặt chẽ, thực hiện quyết liệt, nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Thứ hai, tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm, sinh kế cho người dân, ưu tiên hơn nữa cho thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế và an sinh xã hội; nỗ lực phấn đấu để hoàn thành đạt mức cao nhất các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

Thứ ba, thực hiện nghiêm quy chế làm việc, kỷ luật phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí phải chính xác, khách quan; chỉ đạo xử lý kịp thời, hiệu quả những vấn đề được báo chí, dư luận và người dân, doanh nghiệp quan tâm, phản ánh, đề xuất.

Thứ tư, tập trung thúc đẩy các động lực tăng trưởng kinh tế, nhất là tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu; tranh thủ tối đa các nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài để đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, các ngành, lĩnh vực công nghiệp mới như bán dẫn, năng lượng Hydrogen...

Thứ năm, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 theo Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ, bảo đảm mục tiêu, lộ trình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong năm 2023, 2024 để ổn định tổ chức Đại hội Đảng các cấp năm 2025.

Thứ sáu, đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính; tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, nhất là việc định giá đất, điều chỉnh và phê duyệt quy hoạch, hoàn thuế giá trị gia tăng... Nghiên cứu, chủ động có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động bằng các chương trình, dự án, giải pháp cụ thể...

IV. VỀ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Chính phủ ban hành Nghị định số 61/2023/NĐ-CP về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư. Trong đó, Nghị định quy định một số nội dung về điều kiện công nhận hương ước, quy ước.

Phạm vi nội dung của hương ước, quy ước: Tùy theo yêu cầu tự quản, tình hình kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán ở từng địa phương, bảo đảm kế thừa có chọn lọc các nội dung phù hợp của hương ước, quy ước đã có và mục đích, nguyên tắc quy định tại các Điều 3 và 4, Nghị định 61/2023/NĐ-CP, cộng đồng dân cư lựa chọn một hoặc một số nội dung sau để đưa vào phạm vi của hương ước, quy ước: Các biện pháp, phương thức thích hợp giúp người dân trên địa bàn tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, bảo đảm và phát huy quyền tự do, dân chủ của cộng đồng dân cư; động viên và tạo điều kiện để cộng đồng dân cư thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của công dân. Các phong tục, tập quán tốt đẹp và biện pháp hạn chế, tiến tới xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan; bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc; thực hiện nếp sống văn minh trong ứng xử, giao tiếp, ăn, ở, đi lại, việc cưới, việc tang và lễ hội; phòng, chống bạo lực gia đình, xây dựng hạnh phúc gia đình; phát triển các hoạt động văn hóa lành mạnh. Các biện pháp góp phần bảo vệ tài sản của Nhà nước, cộng đồng và công dân; bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống các tệ nạn xã hội trên địa bàn; xây dựng và phát huy tình làng, nghĩa xóm, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư; xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống; khuyến học, khuyến tài, thúc đẩy phong trào học tập suốt đời; đẩy mạnh hướng nghiệp, đào tạo nghề, khuyến công, khuyến nông ở địa phương. Các biện pháp thưởng, phạt phù hợp để bảo đảm thực hiện hương ước, quy ước nhưng không thay thế các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật. Các nội dung cần thiết khác do cộng đồng dân cư quyết định.

Hương ước, quy ước được thể hiện dưới hình thức văn bản, có chữ ký xác nhận của Trưởng thôn (Tổ trưởng tổ dân phố), Trưởng ban công tác Mặt trận ở

cộng đồng dân cư và 2 đại diện của các hộ gia đình trong cộng đồng dân cư; khuyến khích đại diện là già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư. Hương ước, quy ước sau khi được công nhận có đóng dấu giáp lai của Ủy ban nhân dân cấp xã. Việc lựa chọn tên gọi Hương ước hoặc Quy ước do cộng đồng dân cư thống nhất, quyết định.

Hương ước, quy ước có thể được chia thành lời nói đầu, chương, mục, điều, khoản, điểm hoặc kết cấu khác phù hợp với nội dung; được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện. Ngôn ngữ trong hương ước, quy ước là tiếng Việt. Trường hợp cộng đồng dân cư có nhiều dân tộc của Việt Nam cùng sinh sống và sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau thì việc dịch hương ước, quy ước từ tiếng Việt sang tiếng của một, một số hoặc tất cả các dân tộc đó do cộng đồng dân cư quyết định khi soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận hương ước, quy ước.

Việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật. Việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước phải xuất phát từ nhu cầu tự quản của người dân, trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, thống nhất, công khai, minh bạch trong cộng đồng dân cư; phát huy đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân và trách nhiệm của người dân đối với cộng đồng. Tôn trọng tính tự chủ, tính đa dạng văn hóa và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng dân cư; phù hợp với đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp; bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng các giá trị văn hóa mới, quy tắc ứng xử văn minh, phù hợp với đặc điểm tình hình của cộng đồng dân cư.

Hương ước, quy ước bị bãi bỏ toàn bộ khi thuộc một trong các trường hợp sau: Có nội dung trái với quy định của pháp luật, xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của cộng đồng dân cư. Bị tạm ngừng thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 12 Nghị định này nhưng đã hết thời hạn phải hoàn tất các thủ tục soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua để được công nhận quy định trong quyết định tạm ngừng thực hiện mà cộng đồng dân cư không hoàn tất các thủ tục này. Không bảo đảm tỷ lệ thông qua quy định tại Điều 10 Nghị định này mà cộng đồng dân cư không thực hiện lại việc thông qua để bảo đảm tỷ lệ theo quy

định. Hương ước, quy ước bị bãi bỏ một phần khi bị tạm ngừng thực hiện một phần theo quy định tại các điểm b và c, khoản 1, Điều 12 Nghị định này nhưng đã hết thời hạn phải sửa đổi, bổ sung, thay thế được quy định trong quyết định tạm ngừng thực hiện mà cộng đồng dân cư không thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế nội dung.

V. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt bởi Quyết định 966/QĐ-TTg, ngày 17/8/2023 của Chính phủ nêu rõ:

Mục tiêu cụ thể như sau: Bảo đảm ít nhất 90% số người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có người chăm sóc được các cơ sở trợ giúp xã hội tư vấn, trợ giúp và quản lý, trong đó, ưu tiên trợ giúp người cao tuổi không có người chăm sóc, không có điều kiện sống tại cộng đồng, người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí, người khuyết tật nặng, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân bị buôn bán, người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Tối thiểu 90% số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng từ các cơ sở cai nghiện. Tối thiểu 90% các cơ sở trợ giúp xã hội bảo đảm các tiêu chí, điều kiện tiếp cận theo quy định đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần, người nhiễm HIV/AIDS, người nghiện ma túy và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp. Tối thiểu 50% số cơ sở ngoài công lập hiện có trong mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội được củng cố, phát triển về chất lượng, công suất phục vụ. Đạt tối thiểu 90% số người có hoàn cảnh khó khăn được các cơ sở trợ giúp xã hội tư vấn, trợ giúp và quản lý trường hợp.

Tầm nhìn đến năm 2050: Cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội đến từng đơn vị hành chính cấp xã, đến các khu dân cư, bảo đảm các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn và yếu thế được trợ giúp xã hội kịp thời, phù hợp với nhu cầu. Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, nhất là cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập bảo đảm đủ năng lực, điều kiện, quy mô, công suất đáp ứng toàn diện, đa dạng các nhu cầu trợ giúp xã hội.

Về phương án phát triển: Cơ cấu mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội của cả nước đến năm 2030 đạt tối thiểu 725 cơ sở (công lập và ngoài công lập), gồm: Tối thiểu

90 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; tối thiểu 94 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; tối thiểu 130 cơ sở cai nghiện ma túy; tối thiểu 130 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; tối thiểu 117 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; tối thiểu 164 cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội.

Phân bố mạng lưới cơ sở theo vùng đến năm 2030: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có tối thiểu 129 cơ sở (công lập và ngoài công lập), trong đó bao gồm: 19 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; 19 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; 25 cơ sở cai nghiện ma túy công lập; 17 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; 20 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; 29 cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội. Vùng Đồng bằng sông Hồng có tối thiểu 151 cơ sở (công lập và ngoài công lập), gồm: 18 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; 20 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; 30 cơ sở cai nghiện ma túy; 24 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; 23 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; 36 cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội.

Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có tối thiểu 169 cơ sở (công lập và ngoài công lập), trong đó gồm: 21 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; 23 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; 25 cơ sở cai nghiện ma túy công lập; 30 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; 27 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; 43 cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội. Vùng Tây Nguyên có tối thiểu 43 cơ sở (công lập và ngoài công lập), gồm: 06 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; 06 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; 08 cơ sở cai nghiện ma túy; 08 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; 05 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; 10 cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội.

Vùng Đông Nam Bộ có tối thiểu 131 cơ sở (công lập và ngoài công lập), gồm: 12 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; 10 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; 27 cơ sở cai nghiện ma túy; 36 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; 28 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; 18 cơ sở bảo trợ xã hội

tổng hợp và trung tâm công tác xã hội. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có tối thiểu 102 cơ sở (công lập và ngoài công lập), gồm: 14 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; 16 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; 15 cơ sở cai nghiện ma túy; 15 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; 14 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; 28 cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội.

Quy mô chăm sóc: Bảo đảm cung cấp dịch vụ chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, lang thang, cơ nhỡ, nâng công suất chăm sóc tại cơ sở từ 45.000 người năm 2020 lên 65.000 người năm 2030, trong đó công suất chăm sóc tại các cơ sở ngoài công lập tăng từ 30.000 người năm 2020 lên tối thiểu 42.000 người năm 2030, cụ thể: Người cao tuổi được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội đạt tối thiểu 10.000 người vào năm 2030. Người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí được chăm sóc và phục hồi chức năng tại cơ sở trợ giúp xã hội đạt tối thiểu 10.000 người vào năm 2030. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội đạt tối thiểu 15.000 người vào năm 2030. Người khuyết tật được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội đạt tối thiểu 10.000 người năm 2030. Tại các cơ sở xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội, số người được chăm sóc đạt tối thiểu 20.000 người vào năm 2030. Bảo đảm cung cấp dịch vụ cho tất cả các đối tượng cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy từ 38.000 học viên năm 2020 lên 86.000 học viên năm 2030.

Nâng cấp, phát triển cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, nhân viên trợ giúp xã hội. Về cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng của cơ sở trợ giúp xã hội được nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng bảo đảm đạt tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định của pháp luật. Về đội ngũ cán bộ, nhân viên trợ giúp xã hội bảo đảm phát triển đủ về số lượng, định mức và trình độ chuyên môn đạt tiêu chuẩn phù hợp theo quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội và cai nghiện ma túy đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ sở.

PHẦN II

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ TÌNH HÌNH THẾ GIỚI THỜI GIAN GẦN ĐÂY

KẾT QUẢ CHUYẾN THĂM CẤP NHÀ NƯỚC TỚI VIỆT NAM CỦA TỔNG THỐNG HOA KỲ JOE BIDEN

Nhận lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng, Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden thăm cấp Nhà nước

tới Việt Nam từ ngày 10 - 11/9/2023.

I. KẾT QUẢ CHUYẾN THĂM

1.1. Các hoạt động chính

Tổng thống Joe Biden là Tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên thăm cấp Nhà nước đến Việt Nam theo lời mời của Tổng Bí thư Đảng ta; đồng thời là Tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên có cuộc gặp chính thức với cả 4 đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước ta trong một chuyến thăm, cụ thể: Dự Lễ đón cấp Nhà nước, hội đàm, cùng Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu với báo chí sau hội đàm và ra Tuyên bố chung chính thức xác lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững Việt Nam - Hoa Kỳ; Hội kiến và dự chiêu đãi cấp Nhà nước do Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng chủ trì; Hội kiến và cùng Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính dự Hội nghị cấp cao Việt Nam - Hoa Kỳ về đổi mới sáng tạo và đầu tư; Hội kiến và cùng Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ chứng kiến Lễ trao tặng các kỷ vật chiến tranh giữa hai bên.

Ngoài ra, Tổng thống Joe Biden thăm và đặt hoa tại Phù điêu liên quan đến Thượng Nghị sĩ John McCain tại đường Thanh niên; chủ trì họp báo với báo chí Hoa Kỳ và truyền thông quốc tế.

1.2. Các nội dung chính trong trao đổi cấp cao

Lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta và Tổng thống Biden nhất trí đánh giá tình hình quan hệ hai nước, khẳng định lại những nguyên tắc cơ bản định hướng cho quan hệ hai nước, trong đó có tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp quốc tế và thể chế chính trị, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau; thống nhất phương hướng, biện pháp đã được nhất trí cụ thể hóa trong Tuyên bố chung xác lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện.

(i) Trong các trao đổi với Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và lãnh đạo chủ chốt, Tổng thống Biden phát biểu:

- Khẳng định Việt Nam là một “đất nước tuyệt vời”, một “cường quốc chủ chốt” tại một khu vực trọng yếu và vào một thời điểm quan trọng; một đối tác rất quan trọng của Hoa Kỳ; thể hiện sự khâm phục Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và lãnh đạo cấp cao Việt Nam đã lãnh đạo Nhân dân Việt Nam đi theo con đường đúng đắn, đạt nhiều kết quả cả về đối nội và đối ngoại trong nhiều thập kỷ qua. Nhấn mạnh Hoa Kỳ nhất quán ủng hộ một Việt Nam “mạnh, độc lập, tự cường và thịnh vượng”.

- Điềm lại lịch sử quan hệ hai nước 50 năm qua, từ chiến tranh đến khi bình thường hóa, xác lập quan hệ Đối tác toàn diện vào năm 2013 và quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện nhân chuyến thăm Việt Nam lần này của Tổng thống Biden; bày tỏ sự ngưỡng mộ trước tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ². Đánh giá cao vai trò và đóng góp của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và lãnh đạo cấp cao Việt Nam đối với quá trình hàn gắn, xây dựng lòng tin và thúc đẩy hợp tác giữa hai nước.

- Bày tỏ vui mừng khi hai nước xác lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện, “cấp độ cao nhất” trong hệ thống thứ bậc quan hệ đối tác của Việt Nam, phù hợp với thực tế triển khai quan hệ song phương và lợi ích của Nhân dân hai nước. Khẳng định chuyến thăm diễn ra vào “thời khắc lịch sử”, đánh dấu khởi đầu của một “kỷ nguyên vĩ đại” của quan hệ hai nước, góp phần xác lập khuôn khổ để quan hệ hai nước phát triển sâu rộng hơn nữa trong những thập kỷ tới. Cho rằng khuôn khổ quan hệ mới sẽ đóng góp cho hòa bình, an ninh và thịnh vượng tại một khu vực quan trọng hàng đầu của thế giới, tạo điều kiện để hai nước ứng phó ngày càng hiệu quả với các thách thức toàn cầu.

- Đề nghị lãnh đạo cấp cao Việt Nam chia sẻ về những ưu tiên của Việt Nam trong triển khai quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với Hoa Kỳ thời gian tới. Từ góc độ ưu tiên của phía Hoa Kỳ, cho rằng, hai bên cần ưu tiên thúc đẩy các lĩnh vực: Quan hệ chính trị - ngoại giao, kinh tế thương mại, khoa học công nghệ, giao lưu nhân dân, quốc phòng - an ninh, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm tự do hàng hải - hàng không tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

- Về các lĩnh vực hợp tác cụ thể, Tổng thống Biden bày tỏ mong muốn duy trì đà hợp tác *kinh tế - thương mại - đầu tư* có lợi cho cả hai bên; đánh giá cao hai bên dành nguồn lực để thúc đẩy phát triển *khoa học - công nghệ* và những ngành công nghệ mới có tính then chốt, bao gồm xây dựng ngành công nghiệp bán dẫn; hoan nghênh hai bên đẩy mạnh hợp tác *giáo dục - đào tạo*, đầu tư phát triển lao động tay nghề cao, đặc biệt là trong khu vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học. Tổng thống Biden bày tỏ tự hào về những kết quả mà hai bên đã đạt được trong hợp tác *khắc phục hậu quả chiến tranh*, cụ thể là các hoạt động rà phá bom mìn, vật liệu nổ, tẩy độc da cam/dioxin, hỗ trợ người khuyết tật, tìm kiếm và xác minh hài cốt quân nhân Hoa Kỳ mất tích và bộ đội Việt Nam hy sinh trong chiến

² Trong thư ngày 16/02/1946 gửi Tổng thống Hoa Kỳ Harry Truman, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định Việt Nam mong muốn có “quan hệ hợp tác đầy đủ với Hoa Kỳ”.

tranh; coi đây là minh chứng cho tinh thần vượt lên quá khứ đau thương để trân trọng, vun đắp cho hiện tại và tương lai.

- Về các vấn đề khu vực và quốc tế: Khẳng định chuyến thăm này không phải là để thách thức hay chống bất cứ bên thứ ba nào, mà là nhằm góp phần xây dựng cộng đồng quốc tế tốt đẹp hơn; nhân mạnh Việt Nam và Hoa Kỳ cùng chia sẻ lợi ích mang tính nguyên tắc là bảo đảm cho khu vực an toàn, ổn định, tự do và thịnh vượng. Khẳng định Hoa Kỳ ủng hộ ASEAN đóng vai trò trung tâm tại khu vực, nỗ lực vì đoàn kết, thịnh vượng chung. Hoan nghênh Việt Nam đã đóng vai trò đi đầu trong nỗ lực chung ứng phó với biến đổi khí hậu; khẳng định Hoa Kỳ sẵn sàng hợp tác, cam kết huy động tài chính, công nghệ giúp Việt Nam phát triển năng lượng sạch; nhân mạnh nguyên tắc tôn trọng luật pháp quốc tế trong vấn đề Biển Đông; mong Việt Nam hợp tác về Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì thịnh vượng (IPEF), sớm đạt kết quả trên cả 4 trụ cột của IPEF.

(ii) Lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta chia sẻ về tình hình và thành tựu đổi mới của Việt Nam, về đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, chính sách quốc phòng “bốn không”³; hoan nghênh tăng cường quan hệ hợp tác với Hoa Kỳ trên toàn bộ các trụ cột, đồng thời nhân mạnh sẵn sàng tăng cường quan hệ chính trị để củng cố nền tảng ổn định, lâu dài.

- Kế thừa thành tựu và duy trì đà phát triển của quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư, mở cửa thị trường; đề nghị Hoa Kỳ có cam kết chính trị mạnh mẽ và bước đi cụ thể để sớm công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường.

- Mở ra các lĩnh vực hợp tác đột phá mới: Khoa học công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh, giáo dục và đào tạo.

- Đề nghị Hoa Kỳ tăng cường các hoạt động hỗ trợ giải quyết hậu quả chiến tranh.

1.3. Tuyên bố chung

Nhân dịp chuyến thăm, hai bên đã ra Tuyên bố chung chính thức xác lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững Việt Nam – Hoa Kỳ. Tuyên bố chung khẳng định một lần nữa những nguyên tắc lớn trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ; Hoa Kỳ ủng hộ và hỗ trợ triển khai các ưu tiên, đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế của Việt Nam đã được đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Theo đó:

³ Không tham gia liên minh quân sự; Không liên kết với nước này để chống nước kia; Không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ để chống lại nước khác; Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

- Hai bên tiếp tục làm sâu sắc hơn nữa quan hệ chính trị - ngoại giao và thúc đẩy trao đổi đoàn, tiếp xúc thường xuyên ở tất cả các cấp nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, xây dựng và củng cố lòng tin chính trị; thúc đẩy hơn nữa quan hệ trên kênh đảng và các cơ quan lập pháp hai nước, trong đó khuyến khích đối thoại, trao đổi kinh nghiệm và thảo luận về các ưu tiên của mỗi bên.

- Hai bên tái khẳng định hợp tác kinh tế - thương mại - đầu tư và tăng trưởng kinh tế bao trùm dựa trên đổi mới sáng tạo đóng vai trò nền tảng cốt lõi và động lực quan trọng của quan hệ song phương. Hoa Kỳ hoan nghênh những bước tiến quan trọng về cải cách kinh tế dựa trên thị trường của Việt Nam; khẳng định cam kết chính trị cấp cao nhất về việc đẩy nhanh quá trình xem xét để tiến tới công nhận Quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam.

- Hai bên quyết định đẩy mạnh hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực số, coi đây là đột phá mới của quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện. Hoa Kỳ khẳng định cam kết tăng cường hỗ trợ Việt Nam đào tạo và phát triển lực lượng lao động công nghệ cao. Đồng thời, đưa ra nhiều cam kết tăng cường hỗ trợ phát triển, bao gồm phát triển hạ tầng, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Hai bên phối hợp trong các lĩnh vực thích ứng liên ngành với biến đổi khí hậu tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng Sông Hồng. Hoa Kỳ ủng hộ nỗ lực tăng cường sản xuất năng lượng sạch của Việt Nam và cam kết hỗ trợ tài chính, công nghệ giúp Việt Nam thực hiện các cam kết quốc tế về khí hậu. Đồng thời, khẳng định sẽ tăng cường phối hợp bảo đảm an ninh y tế như ngăn ngừa, phát hiện và ứng phó với các đại dịch, các nguy cơ dịch bệnh toàn cầu khác.

- Hai nhà lãnh đạo hoan nghênh sự hợp tác chặt chẽ hai nước trong khắc phục hậu quả chiến tranh, coi đây là ưu tiên trong quan hệ hai nước.

- Hai nhà lãnh đạo hoan nghênh sự gia tăng mạnh mẽ các hoạt động giao lưu nhân dân hai nước; dự định tăng cường hợp tác giữa các bang của Hoa Kỳ và các tỉnh, thành phố của Việt Nam theo hướng thực chất, hiệu quả.

- Đối với các vấn đề an ninh - quốc phòng, quyền con người, phía Hoa Kỳ nhất trí đề cập theo những nguyên tắc chung mà hai bên đã thống nhất hoặc theo nội dung của các Tuyên bố chung trước đây.

- Chia sẻ quan điểm đối với một số vấn đề khu vực và quốc tế phù hợp với quan điểm của Việt Nam, không ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại với các đối tác liên quan.

1.4. Nhân chuyến thăm, phía Hoa Kỳ đã phối hợp với Việt Nam tổ chức Hội nghị cấp cao về Đầu tư và Đổi mới sáng tạo với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp hàng đầu Hoa Kỳ và Việt Nam về công nghệ và tài chính. Trong dịp này, doanh nghiệp hai bên đã ký kết, tuyên bố một số thỏa thuận và kế hoạch kinh doanh quan trọng trong lĩnh vực thương mại hàng không, cung cấp tài chính, thiết lập đối tác và đầu tư trực tiếp về công nghệ mới, trị giá trên 10 tỷ USD...

II. DƯ LUẬN VỀ CHUYẾN THĂM

Chuyến thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden là chủ đề được quan tâm cao trong dư luận báo chí trong nước, báo chí quốc tế:

(i) Báo chí Việt Nam đưa tin toàn diện, rộng rãi với nhiều hình thức phong phú về quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, về chuyến thăm và việc nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững, thể hiện vị thế, vai trò, thành tựu đối ngoại của đất nước dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các tin, bài thể hiện sự kỳ vọng việc hai nước nâng cấp quan hệ sẽ tạo những điều kiện quan trọng để Việt Nam tăng cường quan hệ với Hoa Kỳ, một cường quốc thế giới, thúc đẩy các ngành sản xuất mới, thương mại và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đặc biệt, các bài viết nhấn mạnh chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ *cho thấy vai trò và vị thế của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, uy tín của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, thể hiện rõ đường lối đối ngoại nhất quán của Việt Nam là độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.*

Báo chí truyền thông trong nước cũng phản ánh khách quan ý kiến đánh giá tích cực của các chính trị gia, chuyên gia, nhà quan sát trong, ngoài nước; suy nghĩ, tình cảm của người dân về lịch sử và triển vọng quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Qua đó cho thấy niềm vui mừng, phấn khởi của Nhân dân trước sự phát triển, vị thế, uy tín của Việt Nam và quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ; niềm tự hào và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, vào chủ trương, đường lối đối ngoại của đất nước và uy tín quốc tế của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Bên cạnh đó là các hình ảnh thể hiện sự đón tiếp trang trọng, hiếu khách, hữu nghị của Việt Nam dành cho Tổng thống Joe Biden và Đoàn đại biểu cấp cao Hoa Kỳ; tin, bài về một số hoạt động bên lề đã góp phần quảng bá hình ảnh một Việt Nam phát triển, thân thiện, mến khách và an toàn tới cộng đồng quốc tế.

(ii) Truyền thông Hoa Kỳ và các hãng thông tấn, báo chí lớn, uy tín trên thế giới dành sự quan tâm cao, chú ý đặc biệt đến chuyên thăm với các tuyến tin, bài, hình ảnh cập nhật thông tin liên tục. Báo chí quốc tế cơ bản đưa tin tích cực về chuyên thăm, nội dung thông tin rộng rãi, toàn diện và đậm nét, trong đó đặc biệt nhấn mạnh việc hai bên nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện, đánh giá cao tầm quan trọng của Việt Nam trên trường quốc tế. Rất nhiều nhận định, bình luận tích cực được báo chí, truyền thông Hoa Kỳ và quốc tế trích dẫn, nhấn mạnh như về mặt lịch sử, đây là chuyên thăm Việt Nam “có ý nghĩa lớn lao nhất từ trước đến nay của một tổng thống Hoa Kỳ”, chuyên thăm “được coi là một thời khắc lịch sử trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ”, Hoa Kỳ giờ đây coi Việt Nam là một “đối tác quan trọng trong khu vực”. Báo chí quốc tế cũng dẫn lời Tổng thống Joe Biden khẳng định Việt Nam là “*một đối tác quan trọng trong một thời điểm quan trọng*”, “*hai nước có vô vàn cơ hội hợp tác*” trong trao đổi với Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; khẳng định những nỗ lực của hai nước vượt qua “*quá khứ đau thương do chiến tranh gây nên*” tại buổi phát biểu chung với báo chí sau Hội đàm, dẫn lời Tổng thống Joe Biden nhấn mạnh mục đích của chuyên thăm “không nhằm tuyên bố “chiến tranh lạnh” hay làm tổn thương Trung Quốc” mà là để đóng góp vào ổn định của khu vực và thế giới thông qua việc củng cố quan hệ với Việt Nam và các nước ASEAN. Truyền thông Hoa Kỳ đánh giá đây là chuyên thăm quan trọng nhất của các tổng thống Hoa Kỳ đến Việt Nam, là “bước đột phá”, “bước nhảy vọt”, “là diễn biến hệ trọng, đáng chú ý trong quan hệ hai nước”, là bước đi “thực dụng”, “hợp lý”, “đúng đắn” của Việt Nam.

(iii) Báo chí các nước trong khu vực quan tâm đưa tin về chuyên thăm. Trong đó, nhìn chung, nội dung thông tin trên báo chí chính thống của Trung Quốc nhận định việc nâng cấp quan hệ song phương của Việt Nam với Hoa Kỳ sẽ không ảnh hưởng đến Trung Quốc, cho rằng Việt Nam và Trung Quốc là hai nền kinh tế rất quan trọng ở khu vực mà quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ không thể thay thế được; đánh giá việc Việt Nam muốn duy trì cân bằng trong quan hệ với cả Trung Quốc và Hoa Kỳ là “có thể hiểu được” và “không thể chỉ trích được”. Báo chí Trung Quốc cho rằng “*chính sách ngoại giao cân bằng nước lớn mới phù hợp nhất với lợi ích quốc gia của Việt Nam*”; Việt Nam và Hoa Kỳ nâng cấp quan hệ chủ yếu về kinh tế, khoa học - công nghệ và “*Việt Nam không bị cuốn vào tập hợp lực lượng chống Trung Quốc*”, “*không có nghĩa Việt Nam ngã sang phía Hoa Kỳ*”.

III. VỀ Ý NGHĨA CỦA CHUYÊN THĂM VÀ VIỆC NÂNG CẤP

QUAN HỆ HAI NƯỚC

3.1. Ý nghĩa đối với quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ

Trước hết, việc Tổng thống Hoa Kỳ thực hiện chuyến thăm cấp Nhà nước theo lời mời của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thể hiện rõ việc Hoa Kỳ công nhận và tôn trọng thể chế chính trị của Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và của đồng chí Tổng Bí thư. Từng đảm nhận nhiều cương vị khác nhau trong chính quyền Hoa Kỳ, cá nhân Tổng thống Joe Biden luôn dành nhiều thiện chí, tình cảm và ủng hộ mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Ông cho biết bản thân là một người ủng hộ mạnh mẽ việc chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam khi quyết định tranh cử thượng nghị sĩ năm 1972. Tổng thống Joe Biden đã gửi thư (tháng 6/2023) mời Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng sớm thăm Hoa Kỳ, sớm quyết định cử các đoàn Bộ trưởng và quan chức cấp cao để chuẩn bị cho chuyến thăm Việt Nam, đáp ứng nhiều đề nghị của Việt Nam, với những động thái rất có ý nghĩa, thể hiện sự tôn trọng và mong muốn thúc đẩy quan hệ nhiều mặt với Việt Nam.

Thứ hai, việc ta đón Tổng thống Biden và xác lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững với Hoa Kỳ là *sự kiện đối ngoại mang tính lịch sử*, góp phần khẳng định rõ các nguyên tắc căn bản của quan hệ hai nước và hiện thực hóa tầm nhìn, mục tiêu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, các thế hệ lãnh đạo Việt Nam và Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã dày công thúc đẩy trong nhiều thập kỷ, trong đó có chủ trương “gác lại quá khứ, vượt qua khác biệt, phát huy tương đồng, hướng tới tương lai”, tăng cường quan hệ với Hoa Kỳ trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, tôn trọng thể chế chính trị của nhau.

Thứ ba, tạo bước phát triển mới về hợp tác kinh tế, đột phá về khoa học công nghệ. Với cam kết ủng hộ một Việt Nam “mạnh, độc lập, tự cường và thịnh vượng” bằng các hành động cụ thể, Hoa Kỳ bày tỏ sẵn sàng đáp ứng hơn nữa lợi ích của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực, trong đó có việc hỗ trợ thực hiện các khâu đột phá chiến lược phục vụ phát triển⁴ của ta; mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực tiềm năng mà ta có nhu cầu.

⁴ Nhất là hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực và phát triển hạ tầng cơ sở, chia sẻ kinh nghiệm quản lý; đáp ứng tích cực hơn một số yêu cầu khác của ta như đẩy nhanh tiến trình công nhận Quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam, mở cửa thị trường cho các mặt hàng xuất khẩu mới của ta, tạo điều kiện để Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng của Hoa Kỳ tại khu vực.

Chuyến thăm góp phần tạo đà mới, tạo khuôn khổ rộng lớn hơn nữa cho phát triển quan hệ với Hoa Kỳ để khai thác tối đa tiềm năng quan hệ, gia tăng hợp tác, tranh thủ nguồn lực, thế mạnh của Hoa Kỳ, đặc biệt về kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, phù hợp với các yêu cầu của đất nước ta trong phần đầu thực hiện các mục tiêu phát triển đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đề ra tới năm 2030 và 2045. Cụ thể, chuyến thăm góp phần thúc đẩy hai bên triển khai hiệu quả hợp tác kinh tế - thương mại - đầu tư song phương để tạo thêm động lực cho tổng thể quan hệ song phương; duy trì cán cân thương mại hài hòa, bền vững, cùng có lợi và tạo thuận lợi cho các hoạt động đầu tư, sản xuất của doanh nghiệp mỗi nước tại nước kia; thúc đẩy việc Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng của Hoa Kỳ tại khu vực và trên thế giới; hiện thực hóa triển vọng hợp tác trong các lĩnh vực mới mà hai bên cùng có lợi ích như kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng, sản xuất chip bán dẫn.

Thông qua chuyến thăm, hai bên tiếp tục tăng cường hiệu quả phối hợp tại các cơ chế quan trọng như Liên hợp quốc, APEC, WTO, trong quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện ASEAN - Hoa Kỳ và Đối tác Mê Công - Hoa Kỳ, IPEF, cũng như trong các vấn đề quốc tế và khu vực như Biển Đông, phát triển bền vững tại tiểu vùng Mê Công, đảm bảo chuỗi cung ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu, dịch bệnh...

Thứ tư, ta có điều kiện để hạn chế những mặt tiêu cực trong quan hệ hai nước cũng như với các đối tác khác; nâng cao hiệu quả đấu tranh với những âm mưu, hành động can thiệp nội bộ của ta; giảm thiểu những biện pháp hạn chế thương mại bất lợi cho ta.

3.2. Ý nghĩa tổng thể trong triển khai đường lối đối ngoại Việt Nam

Với việc thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển với Hoa Kỳ, đến nay, Việt Nam đã thiết lập được mạng lưới 33 đối tác có quan hệ Đối tác toàn diện trở lên⁵. *Lần đầu tiên, Việt Nam có quan hệ Đối tác chiến lược trở lên với toàn bộ 5 nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (Trung Quốc, Nga, Hoa Kỳ, Anh và Pháp)*. Thực tế này tạo những điều kiện thuận lợi quan trọng cho việc thực hiện các mục tiêu gìn giữ môi trường hoà bình, tranh thủ các nguồn lực cho công cuộc phát triển, đồng thời phản ánh sự

⁵ Trong đó có quan hệ đặc biệt với Lào, Campuchia, quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc (2008) và Đối tác chiến lược toàn diện với Nga (2012), Ấn Độ (2016), Hàn Quốc (2022) và Hoa Kỳ (2023) cùng các khuôn khổ quan hệ Đối tác chiến lược với nhiều đối tác lớn, đối tác quan trọng khác như Indonesia, Thái Lan, Philippines, Singapore, Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Italia...

coi trọng của các nước lớn và cộng đồng quốc tế đối với cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế và đường lối đối ngoại của đất nước ta.

Việc xác lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững với Hoa Kỳ nằm trong tổng thể chủ trương của Đảng, Nhà nước ta thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, đa dạng hóa, đa phương hóa, đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, tiếp nối truyền thống, bản sắc ngoại giao Việt Nam; phù hợp với truyền thống hòa bình, hữu nghị, nhân văn của dân tộc ta, có ý nghĩa quan trọng như:

Thứ nhất, góp phần khẳng định mạnh mẽ tính đúng đắn của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, đa dạng hóa, đa phương hóa, kiên trì chính sách quốc phòng “bốn không” và của trường phái “ngoại giao cây tre” của Việt Nam.

Cùng với việc thúc đẩy quan hệ hợp tác với Hoa Kỳ, ta tiếp tục nâng tầm, đưa quan hệ với các nước láng giềng, các đối tác lớn, quan trọng đi vào chiều sâu. Quan hệ *Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc* được củng cố, tiếp tục đà phát triển ổn định, tích cực, tin cậy chính trị gia tăng, hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực, thông qua các hoạt động trao đổi, tiếp xúc cấp cao và các cấp⁶. Nổi bật là chuyến thăm có ý nghĩa lịch sử của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (30/10 - 01/11/2022). Ta tiếp tục chuẩn bị cho các chuyến thăm Trung Quốc của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta và tích cực thúc đẩy chuyến thăm Việt Nam của lãnh đạo Đảng, Nhà nước Trung Quốc dự kiến trong năm 2023. *Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia* tiếp tục được củng cố, có những bước phát triển tích cực trên tất cả các mặt. Ta đã tổ chức tốt các Năm Đoàn kết Hữu nghị, Cuộc gặp cấp cao của Lãnh đạo Đảng, đặc biệt là cuộc gặp Cấp cao mới đây giữa đồng chí Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Chủ tịch Đảng Nhân dân Campuchia (ngày 06/9/2023).

Quan hệ với *các nước ASEAN* tiếp tục được thúc đẩy toàn diện, thực chất với các tiếp xúc song phương cấp cao và các hoạt động trong khuôn khổ ASEAN và Tiểu vùng sông Mê Công. Quan hệ với *Nhật Bản, Nga, Ấn Độ, Australia* tiếp tục được tăng cường về chất, trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự. Ta và *Hàn Quốc* đã xác lập quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện vào năm

⁶ Các chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (2015, 2017); Chủ tịch nước Trần Đại Quang (2017), Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (9/2016), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân (2019). Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính (tháng 6/2023).

2022. Quan hệ với *các nước châu Âu*, nhất là các đối tác chủ chốt trong EU được thúc đẩy, các vấn đề tồn tại đang từng bước được tháo gỡ.

Thứ hai, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, thúc đẩy quan hệ đối ngoại rộng mở của ta với các đối tác, góp phần củng cố cục diện đối ngoại thuận lợi phục vụ phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, tận dụng các cơ hội mới về hợp tác phát triển, đặc biệt là các lĩnh vực như chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, công nghệ cao, công nghệ bán dẫn, đào tạo nhân lực chất lượng cao và trong ứng phó với các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, dịch bệnh... Trên cơ sở đó, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 và 2045 theo Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

Thứ ba, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam ở khu vực và quốc tế, gia tăng vai trò, vị trí của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của các đối tác quan trọng. Việc tăng cường quan hệ với Hoa Kỳ trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, tôn trọng thể chế chính trị của nhau, kiên trì thực hiện chính sách quốc phòng “bốn không” góp phần đóng góp vào hòa bình, ổn định tại khu vực và trên thế giới.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI THỜI GIAN TỚI

Quan hệ đối ngoại rộng mở và vị thế của Việt Nam ngày càng gia tăng trên trường quốc tế sẽ tạo thêm thế và điều kiện thuận lợi cho đất nước ta trong việc tiếp tục thúc đẩy quan hệ với các nước lớn, đối tác quan trọng, thu hút tối đa nguồn lực bên ngoài cho phục vụ phát triển đất nước, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 và 2045, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Trên cơ sở tiếp tục nhất quán triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, hòa bình, hợp tác và phát triển, kiên trì chính sách quốc phòng “bốn không” và nhằm tiếp tục củng cố, phát triển các mối quan hệ với các đối tác quan trọng, trong đó có quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Hoa Kỳ, các ban, bộ, ngành, đoàn thể và các địa phương cần tập trung triển khai một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

(i) Đẩy mạnh cụ thể hóa triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và các văn kiện về đối ngoại của Đảng, Nhà nước nhằm củng cố và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, cục diện đối ngoại thuận lợi để phát triển; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc; nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; quán triệt quan điểm về việc thúc đẩy quan hệ

với các đối tác, đồng thời kiên quyết đấu tranh với các đối tượng có hành động tổn hại lợi ích quốc gia - dân tộc của đất nước ta.

(ii) Tiếp tục triển khai đồng bộ quan hệ đối ngoại, đưa quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ nói riêng, với các đối tác khác nói chung tiếp tục đi vào chiều sâu, ổn định, hiệu quả, thực chất, gia tăng tin cậy chính trị và đan xen lợi ích. Đặc biệt là với các nước láng giềng, các nước lớn, đối tác quan trọng, các nước bạn bè truyền thống; tiếp tục nỗ lực cụ thể hóa các cam kết, thỏa thuận giữa Việt Nam và các đối tác trong khuôn khổ các hoạt động đối ngoại cấp cao.

(iii) Nghiên cứu, quán triệt nghiêm túc, sâu sắc, đầy đủ nội dung các trao đổi cấp cao đạt được trong chuyến thăm, nhất là nội dung Tuyên bố chung. Chủ động thiết lập quan hệ với các đối tác Hoa Kỳ, xây dựng lộ trình, các chương trình, kế hoạch, đề án theo chức năng, nhiệm vụ, địa bàn nhằm cụ thể hoá các nội dung cam kết giữa hai nước, phù hợp với quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước và pháp luật Việt Nam, đem lại lợi ích thiết thực cho Nhân dân, phục vụ hiệu quả các mục tiêu chiến lược mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra.

(iv) Tận dụng hiệu quả và thiết thực các khuôn khổ quan hệ mới để huy động các nguồn lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện phương châm lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên của ta như tiếp cận, mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, công nghệ cao, công nghệ bán dẫn, nguồn nhân lực chất lượng cao...; nghiên cứu khả năng tham gia các sáng kiến, dự án hợp tác của các nước, đối tác trong khu vực phù hợp với lợi ích, điều kiện và khả năng tham gia của ta.

V. ĐỊNH HƯỚNG TUYÊN TRUYỀN

Từ các nội dung trên, công tác tuyên truyền về kết quả chuyến thăm cấp Nhà nước Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden cần tập trung vào một số trọng tâm sau:

Một là, đẩy mạnh thông tin tuyên truyền dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú về đường lối đối ngoại của Đảng, nỗ lực tăng cường hiệu quả quan hệ với các đối tác quan trọng; ý nghĩa, kết quả của chuyến thăm; hiệu quả thiết thực của các nội dung được hai bên nhất trí trong Tuyên bố chung, của việc nâng cấp quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ lên Đối tác chiến lược toàn diện vì hoà bình, hợp tác và phát triển bền vững; triển vọng quan hệ hợp tác song phương.

Hai là, tiếp tục theo dõi, nắm bắt diễn biến tình hình dư luận trong nước, dư luận quốc tế về chuyến thăm, quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ, các nội dung trong Tuyên bố chung, các quan hệ đối ngoại của Việt Nam... để chủ động định hướng công tác thông tin tuyên truyền, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch.

Ba là, thống nhất, nâng cao nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; củng cố sự đồng thuận trong toàn xã hội; tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng, bạn bè quốc tế đối với Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam, đường lối đối ngoại của Việt Nam, quan hệ của Việt Nam với các đối tác quan trọng, trong đó có mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ.

VĂN BẢN MỚI

1. Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg, ngày 17/8/2023 về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù

Đối tượng vay vốn gồm: Người chấp hành xong án phạt tù bao gồm người chấp hành xong thời hạn chấp hành án phạt tù đã được cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù quy định tại Luật Thi hành án hình sự và người được đặc xá đã được cấp giấy chứng nhận đặc xá quy định tại Luật Đặc xá; cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù.

Điều kiện vay vốn: Người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu vay vốn; có tên trong danh sách người chấp hành xong án phạt tù về cư trú tại địa phương, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không tham gia các tệ nạn xã hội, do Công an cấp xã lập và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Thời gian kể từ khi chấp hành xong án phạt tù đến thời điểm vay vốn tối đa là 05 năm;

Điều kiện vay vốn đối với cơ sở sản xuất kinh doanh: Được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; sử dụng tối thiểu 10% tổng số lao động là người chấp hành xong án phạt tù đáp ứng các điều kiện nêu trên và ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động; có phương án vay vốn và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện phương án xác nhận. Quyết định nêu rõ, người chấp hành xong án phạt tù và cơ sở sản xuất kinh doanh quy định ở trên phải thuộc trường hợp không còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với

các chương trình tín dụng khác có cùng mục đích sử dụng vốn vay để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm theo quy định của pháp luật thì mới đủ điều kiện để vay vốn.

Phương thức cho vay: Đối với người chấp hành xong án phạt tù: Thực hiện phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của người chấp hành xong án phạt tù là người đứng tên vay vốn và giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp trong hộ gia đình không còn thành viên nào từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không còn sức lao động, không có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thì người chấp hành xong án phạt tù trực tiếp đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh: Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện cho vay trực tiếp.

Mục đích sử dụng vốn vay: Đối với vay vốn để đào tạo nghề, chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của người chấp hành xong án phạt tù trong thời gian theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chi phí này bao gồm: Tiền học phí; chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập; chi phí ăn, ở, đi lại. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm: Chi phí để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm gồm chi phí cho việc thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

Mức vốn cho vay tối đa là 4 triệu đồng/tháng/người chấp hành xong án phạt tù. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng/người chấp hành xong án phạt tù. Với cơ sở sản xuất kinh doanh, mức vốn cho vay tối đa là 02 tỷ đồng/dự án và không quá 100 triệu đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

2. Nghị quyết 129/NQ-CP, ngày 18/8/2023 về việc điều chuyển thuốc, vật tư, sinh phẩm đã mua từ ngân sách nhà nước cho phòng, chống dịch Covid-19 sang nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

Nguyên tắc thanh toán khi sử dụng cho khám bệnh, chữa bệnh Nghị quyết nêu rõ, đối với thuốc, vật tư, sinh phẩm đã mua từ ngân sách nhà nước cho phòng, chống dịch Covid-19 thuộc danh mục Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ được thanh toán và thu từ phần đồng chi trả của người

bệnh có thể bảo hiểm y tế bằng với giá mua vào theo quy định của pháp luật đấu thầu nhưng không được cao hơn giá do cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh kể từ thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.

Đối với người không có thẻ bảo hiểm y tế, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ được thu của người bệnh bằng với giá mua vào theo quy định của pháp luật đấu thầu nhưng không được cao hơn giá do cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh kể từ thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.

Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực, trường hợp các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có giá do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán thì được căn cứ giá do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, nếu vẫn không có giá do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán tại các cơ sở y tế khác trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương thì được thanh toán bằng giá mua vào theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Đối với thuốc, vật tư, sinh phẩm đã mua từ ngân sách nhà nước cho phòng, chống dịch Covid-19 không thuộc danh mục Bảo hiểm y tế thanh toán, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ được thu của người bệnh bằng với giá mua vào theo quy định của pháp luật đấu thầu.

Số kinh phí các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thu được thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Rà soát lại số lượng thuốc, vật tư, sinh phẩm đã mua, hạn chế tối đa lãng phí. Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chủ động rà soát lại số lượng thuốc, vật tư, sinh phẩm đã mua nhưng chưa sử dụng hết từ nguồn ngân sách nhà nước để ưu tiên phục vụ công tác chống dịch, dự phòng chống dịch và điều chuyển sử dụng giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để phòng, chống dịch Covid-19, hạn chế tối đa lãng phí.

Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện thanh, quyết toán theo quy định và nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu được; chỉ đạo Sở Y tế, cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện liên quan đến giá, thanh quyết toán, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, hiệu quả, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí. Bảo hiểm xã hội Việt Nam chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Sở Y tế, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để thực hiện Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành (18/8/2023) đến hết ngày 31/12/2023.